

Họ và tên:

KIỂM TRA CHƯƠNG I

Câu 1: Cho tập hợp $N = \{2, 4, 6, 8\}$, có bao nhiêu phần tử trong tập hợp N ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 2: A là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn hoặc bằng 5. Hãy viết tập hợp A bằng các liệt kê.

- A. $A = \{1; 2; 3; 4; 5\}$. C. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$.
B. $A = \{1; 2; 3; 4\}$. D. $A = \{0; 1; 2; 3; 4\}$.

Câu 3: Điền vào chỗ trống để có được ba số tự nhiên liên tiếp tăng dần : 49, ...,

- A. 50; 51. B. 51; 53. C. 48; 47. D. 59; 69.

Câu 4: Số La Mã biểu diễn số 29 là?

- A. XIX; B. XXIX; C. XXXI; D. XXIV.

Câu 5: B là tập hợp các chữ cái trong từ "TAP HOP", vậy $B = ?$

- A. $B = \{T; A; P; H; O; P\}$. B. $B = \{T; A; P; H\}$.
C. $B = \{T; A; P; H; O\}$. D. $B = \{T; P; H; O\}$.

Câu 6. Trong phép tính mà chỉ chứa phép nhân và phép chia thì thứ tự thực hiện phép tính như thế nào?

- A. Nhân trước, chia sau. C. Thực hiện lần lượt từ phải sang trái.
B. Chia trước, nhân sau. D. Thực hiện lần lượt từ trái sang phải.

Câu 7. Trong số 723 650, chữ số 5 có giá trị bao nhiêu?

- A. 5 là chữ số hàng chục. C. 5 có giá trị 723 65.
B. 5 có giá trị $5.10 = 50$. D. 5 có giá trị 5.

Câu 8. Trong số nào dưới đây, chữ số 7 nằm ở hàng nghìn.

- A. 127 000 000. C. 547.
B. 870 900. D. 7 200.

Câu 9. "Chín bình phương" là cách đọc của số nào dưới đây?

A. 9^3 ; B. 9^2 ; C. 9.2 ; D. 9^4 .

Câu 10. Kết quả của phép nhân 125.8 .

A. 10 ; B. 100 ; C. 1000 ; D. 200 .

Câu 11. Viết gọn tích sau dưới dạng một lũy thừa: $2.3.36$.

A. $2^3.3^3$; B. 6^3 ; C. 6^2 ; D. $2^2.3^2$.

Câu 12. Thực hiện phép tính: $110 - 7^2 + 22:2$?

A. 72 ; B. 107 ; C. 41 (dư 1); D. 62 .

Câu 13. Giá trị của biểu thức C là: $C = 2^3.3 - (1^{10} + 15) : 4^2$

A. $C = 23$; B. $C = 24$; C. $C = 25$; D. $C = 26$.

Câu 14. Tìm số tự nhiên x, thỏa mãn: $(75:3 + 2.9^2):x = 11$.

A. $x = 11$; B. $x = 17$; C. $x = 14$; D. $x = 16$.

Câu 15. Cho tập hợp $M = \{x \in \mathbb{N}^* \mid 2x + 5 = 5\}$. Số phần tử của tập hợp M là:

A. 0 ; B. 1 ; C. 2 ; D. 3 .

Câu 16. Đưa kết quả phép tính $12^2 + 3^2$ về dưới dạng một lũy thừa cơ số 15 với số mũ là:

A. 1 ; B. 2 ; C. 3 ; D. 4 .

Câu 17. Cho biểu thức $7x^3 - (8y)^2$. Tính giá trị biểu thức tại $x = 3$ và $y = 1$.

A. 189 ; B. 64 ; C. 125 ; D. 115 .

Câu 18. Ghép mỗi phép tính ở cột A với lũy thừa tương ứng của nó ở cột B:

Cột A
$3^7.3^3$
$5^9:5^7$
$2^{11}.2^8$
$5^{12}.5^5$

Cột B
5^{17}
2^3
3^{10}
5^2